

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG NAM SERVICES AND CONSTRUCTION CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106956733

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 6, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01666 276 621

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                         | 4390        |
| 2.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                              | 4719        |
| 3.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình: máy san ủi, máy lu các loại, máy xúc                                                                                    | 7730        |
| 4.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                    | 4100        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                             | 4220        |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                        | 4312(Chính) |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                               | 4290        |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                        | 4690        |
| 11. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, máy xúc, máy ủi, máy lu                                                                                    | 4530        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô các loại                                                                                                                                                                               | 7710        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                    | 4543        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sơn, mào, véc ni, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 7.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ TÍNH | Thôn Kim Lê, Xã Thanh Bình, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | 4.500.000.000         | 64,29    | 112099431                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN DANH NAM | Xóm 4, Xã Phụng Cách, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | 2.500.000.000         | 35,71    | 112252022                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÍNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 10/04/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112099431

Ngày cấp: 03/01/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Kim Lê, Xã Thanh Bình, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn 6, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội